

Số: /GPMT-UBND Điện Biên, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 456/TTr-STNMT ngày 26/12/2024 (kèm theo hồ sơ xin cấp Giấy phép môi trường của Bệnh viện Phổi tỉnh Điện Biên).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Bệnh viện Phổi tỉnh Điện Biên, địa chỉ tại tổ dân phố 2, phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Bệnh viện Phổi tỉnh Điện Biên với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Phổi tỉnh Điện Biên.

1.2. Địa điểm cơ sở: Tổ dân phố 2, phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

1.3. Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 14/06/2006 của UBND tỉnh về việc thành lập Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Điện Biên; Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 20/04/2020 của UBND tỉnh về việc đổi tên “Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Điện Biên” thành “Bệnh viện Phổi tỉnh Điện Biên” trực thuộc Sở Y tế; Quyết định số 766/QĐ-SYT ngày 29/9/2014 của Sở Y tế tỉnh Điện Biên về việc cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

1.4. Mã số thuế: 5600190376.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám và chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Tổng diện tích sử dụng đất là 1,937 ha.

- Công suất hoạt động: 50 giường bệnh lưu (trong đó: Khoa Nội 1: 30 giường, khoa Nội 2: 20 giường).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Phổi tỉnh Điện Biên có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 27/12/2024 đến ngày 27/12/2034).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Điện Biên Phủ tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Bệnh viện Phổi tỉnh Điện Biên theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Y tế;
- UBND thành phố Điện Biên Phủ;
- Bệnh viện Phổi tỉnh Điện Biên (02 bản);
- UBND phường Noong Bua;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị - Nhà khách;
- Lưu VT, KTN_(LNH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Đức Toàn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND
ngày tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu nhà Hành chính.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu nhà khoa Dược - Xét nghiệm.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu nhà khoa Nội 1.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu nhà khoa Nội 2.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu nhà Khám bệnh - Chẩn đoán hình ảnh.
- Nguồn số 06: Nước thải y tế phát sinh từ phòng giặt đồ.
- Nguồn số 07: Nước thải y tế phát sinh từ khoa Nội 1.
- Nguồn số 08: Nước thải y tế phát sinh từ khoa Nội 2.
- Nguồn số 09: Nước thải y tế phát sinh từ khu nhà Khám bệnh - Chẩn đoán hình ảnh.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của tổ 2, phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

2.2. Vị trí xả thải

- Hồ ga kỹ thuật tại Bệnh viện Phổi tỉnh Điện Biên.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 103⁰, múi chiều 3⁰): X(m) = 2365474; Y(m) = 503544.
- Điểm xả thải có tọa độ, biển báo, kỹ hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 40 m³/ngày, đêm (24 giờ).

2.3.1 Phương thức xả thải: Tự chảy

2.3.2. Chế độ xả thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, K = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	—	6,5-8,5	01 lần/năm	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅	mg/l	60		
3	COD	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh của cán bộ, nhân viên y tế, phòng lưu trú bệnh nhân, nhà hành chính (nguồn số 01 đến số 05) được thu gom về bể tự hoại 03 ngăn có tổng dung tích 35 m³ (07 bể tự hoại 3 ngăn). Nước thải sau bể tự hoại được đưa vào hệ thống thu gom nước thải bằng đường ống chính PVC DN200 dài 714 m rồi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 40 m³/ngày, đêm để xử lý.

- Nước thải thoát sàn, bồn rửa phát sinh từ khu nhà vệ sinh của cán bộ, nhân viên y tế, phòng lưu trú bệnh nhân (nguồn số 01 đến số 05) được đưa vào hệ thống thu gom nước thải chung bằng đường ống PVC DN200 dài 714 m rồi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 40 m³/ngày, đêm để xử lý.

- Nước thải y tế phát sinh từ quá trình vệ sinh thiết bị, dụng cụ y tế từ phòng khám và chữa bệnh, nước thải từ quá trình ra giường (nguồn số 06 đến số

09) được đưa vào hệ thống thu gom nước thải chung bằng đường ống PVC DN200 dài 714 m rồi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 40 m³/ngày, đêm để xử lý.

- Nước thải sau hệ thống xử lý tập trung công suất 40 m³/ngày, đêm được dẫn vào hố ga kỹ thuật, sau đó chảy sang hệ thống thoát nước mặt chung của cơ sở để dẫn ra nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung của tổ 2, phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại

- Tổng số: 07 bể loại 03 ngăn.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (từ nguồn số 01 đến số 05) → Ngăn 1 (chứa) → Ngăn 2 (lắng) → Ngăn 3 (lọc) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tổng dung tích: 35 m³ (05 m³/bể).

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung sử dụng công nghệ AO để đảm bảo xử lý nước thải đầu ra theo quy định.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (từ nguồn số 01 đến số 05) sau khi qua bể tự hoại và nước thải y tế (từ nguồn số 06 đến số 09) → Song chắn rác → Bể điều hoà → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng (hóa chất Clorin) → Bể sau xử lý → Hố ga kỹ thuật → Hệ thống thoát nước mặt chung của cơ sở → Hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Công suất: 40 m³/ngày, đêm.

- Hóa chất, chế phẩm sinh học, vật liệu sử dụng: Chế phẩm vi sinh (20-25 kg/tháng); viên nén Clorin 70% (200g/ngày).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố

- Bố trí nguồn kinh phí thực hiện duy trì hoạt động của hệ thống xử lý nước thải nhằm làm giảm thiểu đến mức tối đa khả năng gây ra sự cố.

- Vận hành và bảo trì máy móc thiết bị trong hệ thống xử lý thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Chuẩn bị sẵn các thiết bị có nguy cơ hỏng cao, như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí... để kịp thời thay thế khi bị hỏng.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo nhà sản xuất.

- Quan trắc định kỳ chất lượng nước đầu ra của hệ thống xử lý nước thải để có phương án khắc phục sự cố kịp thời.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố

Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải sẽ được lưu giữ tạm thời trong các bể xử lý để khắc phục, sửa chữa, không xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường; khi sự cố của hệ thống chưa thể khắc phục và không còn khả năng lưu chứa trong các bể xử lý thì thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý theo quy định; báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp có sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành.

3.4. Bệnh viện Phổi tỉnh Điện Biên chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND
ngày tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Phòng đặt máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Phòng điều hành của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 103^0 , múi chiếu 3^0

- Vị trí nguồn số 01: X (m): 2365442; Y (m): 503532.
- Vị trí nguồn số 02: X (m): 2365494; Y (m): 503546.

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải bảo đảm đáp theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng độ rung; giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung.

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường
2	55	45	-	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường
2	60	55	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Đã xây dựng một phòng đặt máy phát điện dự phòng, 01 phòng điều hành đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý với tường gạch nền kết cấu bê tông cốt thép vững chắc chống chấn động. Phòng được đặt trong khu riêng biệt, cách xa

khu khám chữa bệnh, có lớp cửa bảo vệ bên ngoài.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng và các máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung để đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Trồng cây xanh, thảm cỏ tại khuôn viên bệnh viện, hành lang dọc theo sân đường nội bộ để tạo cảnh quan, giảm thiểu tiếng ồn ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại cơ sở.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND
ngày tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Khối lượng, chủng loại các loại CTNH phát sinh thường xuyên, như sau:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	Rắn	520
2	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	13 01 03	Rắn/lỏng	171
3	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	13 03 02	Rắn lỏng	24
4	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	08
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	08
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH)	18 01 01	Rắn	17
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	15
8	Bùn thải từ hệ thống XLNT	12 07 07	Rắn/lỏng	100
	Tổng khối lượng			863

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chai nhựa, dây chuyền thải	600
2	Giấy bìa carton	200
3	Bùn thải từ các bể tự hoại	140
	Tổng khối lượng	940

1.3. Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt bao gồm: giấy loại, thức ăn thừa, túi nilon đựng thực phẩm, vỏ hộp nhựa...phát sinh khoảng 15.000 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại.

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Chất thải nguy hại lây nhiễm: Thùng dung tích từ 05-200 lít màu vàng có nắp đậy kín, dán nhãn theo đúng quy định.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm: Thùng chứa màu đen có dung tích 120 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn theo đúng quy định.

2.1.2. Kho lưu giữ CTNH

- 02 kho với tổng diện tích 48 m² (01 kho đặt tại Bệnh viện Phổi diện tích 30 m² và 01 kho đặt tại Bệnh viện Tâm Thần diện tích 18 m²); kho có mái che, xây tường gạch, nền bê tông chống thấm, trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ PCCC, biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy các loại 10 lít, 60 lít, 200 lít.

2.2.2. Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường

- 01 kho với diện tích khoảng 25 m² có mái che, xây tường gạch bao kín xung quanh, nền gạch cao, có biển cảnh báo kho chứa.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa dung tích từ 05-200 lít, xe đẩy inox 350 lít, 660 lít.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Có 01 kho với diện tích khoảng 30 m² có mái che, vây tôn xung quanh, nền bê tông chống thấm, sau đó được chuyển giao cho Công ty cổ phần Môi trường Điện Biên vận chuyển, xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ, an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng chống dịch bệnh, sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND
ngày tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Bệnh viện đã hoàn thành các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường và được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 19/06/2008 của UBND tỉnh.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình thực hiện nếu cơ sở có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ cơ sở phải có Văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn./.